

Bản án số: 244/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2026

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa: ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 680/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị P, sinh ngày 01/8/1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L, tỉnh V

- Bị đơn: ông Bùi Thanh S, sinh ngày 29/11/1981 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2026, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P như sau:

Năm 2018 bà và ông Bùi Thanh S gặp và quen biết nhau được thời gian thì ông bà có tình cảm với nhau và quyết định kết hôn với nhau, ông bà có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre số 56/2018 vào ngày 19/9/2018. Sau khi kết hôn, bà và ông Sơn S1 hạnh phúc được một năm thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không hợp và ông S tự bỏ nhà đi không liên lạc được nên ông bà đã ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà không có gặp nhau và bà xác định không thể hàn gắn hôn nhân được nữa vì bà

cũng không còn tình cảm dành cho ông S nên bà quyết định ly hôn với ông S. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Thanh S. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà P không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

* Đối với bị đơn ông Bùi Thanh S không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông S không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp nhận cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Bùi Thanh S. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn với ông Bùi Thanh S. Bị đơn có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật “ly hôn” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Bùi Thanh S với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông S vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị P và ông Bùi Thanh S tự quen biết, tìm hiểu trong thời gian ngắn thì ông bà tự nguyện tổ chức đám cưới và ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh B số 56/2018 vào ngày 19/9/2018, cho nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà P là bà có nguyện vọng được ly hôn với ông S lý do hai người không hợp và ông S tự bỏ nhà đi không liên lạc được nên ông bà đã ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà không có gặp nhau và bà xác định không thể hàn gắn hôn nhân được nữa vì bà cũng không còn tình cảm dành cho ông S nên bà quyết định ly hôn với ông S. Tòa án đã tiến hành thông báo mời hòa giải nhằm tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân nhưng ông S không có mặt nên không thể tiến hành hoà giải được. Tại phiên toà, bà P, ông S cũng không gặp nhau và bà P vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông S vì bà và ông S đã không sống với nhau từ tháng 10/2019 đến nay nên bà không còn tình cảm yêu thương dành cho ông S. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn ông bà đã không tìm hiểu rõ tính tình của nhau mà vội vàng kết hôn với nhau nên ông bà chỉ chung sống với nhau được một năm thì đã xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau và đã ly thân mỗi người sống một nơi từ tháng 10/2019 đến nay, cho thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P là phù hợp.

[2.3] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: bà P xác định là không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Đối với bị đơn ông Bùi Thanh S, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy ông S có đăng ký thường trú tại ấp H, xã Đ, tỉnh A nhưng ông S vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông S theo quy định nhưng ông S vẫn không có mặt không có lý do và ông S cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà P cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của ông.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: bằng 300.000 đồng, bà P phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: chấp nhận cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Bùi Thanh S.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu số 303454 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà P đã nộp xong án phí HNST.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 29/6/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS khu vực 5 – An Giang;
- THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Định Hòa, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh